

Bảng 1A Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ số quan trọng	2007	2008
Tăng trưởng tổng tài sản	84%	43%
Tăng trưởng tổng dư nợ	81%	13%
Tăng trưởng tổng tiền gửi	74%	35%
Tăng trưởng VCSH	223%	104%
Quy mô ngân hàng		
Số chi nhánh & phòng GD	65	111
Số nhân viên	2,360	3,104

Nguồn: EIB, HSC

Bảng 1B - Các hệ số chính

	2007	2008
Hệ số vốn		
Hệ số an toàn vốn (CAR)	27.0%	45.9%
Vốn tự có/Tổng tài sản	19%	27%
Hệ số nợ (tổng tài sản/vốn tự có)	5.36	3.76
Chất lượng tài sản		
Tỷ lệ giữa tài sản có rủi ro/tổng tài sản	79.3%	70.9%
Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3-5)	0.9%	4.7%
Hệ số dự phòng rủi ro/tổng nợ xấu	45.9%	37.7%
Chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh khoản		
Tài sản có tính thanh khoản cao/tổng tiền gửi KH	80%	65%
Vay liên ngân hàng/Tổng vay liên NH và tiền gửi khách hàng	5%	5%
Khả năng sinh lợi		
Lợi nhuận/tổng tài sản bình quân	1.78%	1.74%
Lợi nhuận/Tổng vốn chủ sở hữu bình quân	11.25%	7.43%
Tỷ lệ thu nhập lãi ròng/tổng tài sản sinh lãi bình quân	3.17%	3.70%
Tỷ lệ chi phí ngoài lãi vay/Tổng thu nhập thuần	34.79%	31.85%

Nguồn: EIB, HSC

Chuyên viên phân tích
Nguyễn Thị Tâm Hạnh
(84 8) 3 8233299
hanh.ntt@hsc.com.vn

Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (Eximbank trên OTC hay EIB trên HOSE): Bình luận trước niêm yết – KQKD năm 2009 và dự báo cho giai đoạn 2010-2012

Chuyên viên phân tích - Nguyễn Thị Tâm Hạnh

Mô hình lợi nhuận và định giá

Đơn vị tính: Triệu đồng	2005	2006	2007	2008	2009F	2010F	2011F	2012F
Tổng tài sản	11,369,233	18,327,479	33,710,424	48,247,821	58,918,081	72,581,480	91,403,865	117,009,855
Tổng dư nợ cho vay	6,427,689	10,164,975	18,378,610	20,855,907	31,850,126	42,439,534	56,548,557	76,371,784
Tiền gửi khách hàng	8,408,183	13,507,684	22,939,823	32,344,099	41,894,117	54,399,597	70,656,722	91,790,985
Tổng vốn chủ sở hữu	835,539	1,946,667	6,294,943	12,844,077	12,949,856	13,221,510	13,147,116	13,715,667
Lợi nhuận trước thuế	28,557	358,587	628,847	969,231	1,529,446	1,633,552	1,803,732	2,015,438
Lợi nhuận ròng	21,101	258,469	463,417	711,013	1,147,084	1,225,164	1,352,799	1,511,578
Tăng trưởng tổng tài sản	57%	61%	84%	43%	22%	23%	26%	28%
Tăng trưởng tổng dư nợ cho vay	40%	58%	81%	13%	53%	33%	33%	35%
Tăng trưởng huy động tiền gửi KH	53%	57%	74%	35%	35%	30%	30%	30%
Tăng trưởng vốn chủ sở hữu	81%	133%	223%	104%	1%	2%	-1%	4%
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế	na	1156%	75%	54%	58%	7%	10%	12%
Tăng trưởng lợi nhuận ròng	na	1125%	79%	53%	61%	7%	10%	12%
ROA	0%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	1%
ROE	3%	19%	11%	7%	9%	9%	10%	11%
ĐỊNH GIÁ								
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	51,753,425	92,527,612	226,499,078	616,356,546	788,662,976	880,000,000	880,000,000	880,000,000
EPS	408	2,793	2,004	1,130	1,425	1,364	1,506	1,682
Tăng trưởng EPS	na	689%	-34%	-1%	43%	7%	10%	12%
Giá trị sổ sách/cổ phiếu	11,139	15,400	21,244	17,237	15,172	16,387	17,187	18,693
Hệ số P/E theo thị giá hiện hành				24.8	19.7	20.5	18.6	16.6
Hệ số P/E theo giá cuối năm	32.2	37.4	11.9					
Hệ số P/B theo thị giá hiện hành				1.62	1.85	1.71	1.63	1.50
Hệ số P/B theo giá cuối năm	na	5.8	3.5	0.8				
Giá trị vốn hóa thị trường					24,640,000			

Nguồn: Báo cáo Eximbank; (F) HSC dự báo; (*) Sau khi phân bổ cho quỹ khen thưởng và phúc lợi

- Eximbank sẽ niêm yết 876 triệu cổ phiếu trên Hose vào ngày 27/10/2009. Eximbank quy mô vốn lớn, trong đó các NĐTNN nắm giữ 25.22% cổ phần. Ngân hàng tập trung vào cho vay tài trợ xuất nhập khẩu nên đã được hưởng lợi từ chính sách tăng trưởng dựa vào xuất khẩu của Việt Nam.
- Tuy nhiên, cổ đông chiến lược chính của ngân hàng là Sumitomo Mitui Banking Corporation (SMBC) hiện nắm giữ 15.13% cổ phần và chúng tôi cho rằng SMBC sẽ giúp Eximbank triển khai mô hình ngân hàng bán lẻ trong vài năm tới. Ngân hàng hiện chiếm 2.2 % dư nợ và 2.7% huy động tiền gửi trên toàn thị trường. Với quy mô vốn lớn, Eximbank có mức chi phí huy động vốn bình quân thấp hơn các ngân hàng khác và có khả năng tăng dư nợ nhanh trong điều kiện tỷ lệ NIM cao. Với tốc độ tăng trưởng này, Eximbank sẽ đạt được kế hoạch lợi nhuận năm 2009.
- Tuy nhiên, Eximbank khá phụ thuộc vào thu nhập lãi cho vay trong khi thu nhập phi rủi ro chỉ chiếm từ 6-7% trong tổng thu nhập. Chúng tôi cho rằng cơ cấu thu nhập này sẽ ít thay đổi trước khi hệ thống bán lẻ, cơ sở hạ tầng, các cơ chế quản lý rủi ro cần thiết cho hoạt động ngân hàng được xây dựng. Chúng tôi cho rằng quá trình này sẽ kéo dài trong một vài năm. HSC dự báo lợi nhuận trước thuế sẽ tăng bình quân hàng năm (CAGR) khoảng 10-11% trong 3 năm tới.
- Với mức giá tham chiếu vào ngày chào sàn là 28,000 đồng, cổ phiếu của Eximbank có P/E dự kiến là 19.7x và P/B hiện tại là 1.85 cho năm 2009, thấp hơn so với các ngân hàng khác. Dựa vào chỉ số P/B, cổ phiếu Eximbank rẻ hơn cổ phiếu các ngân hàng khác nhưng triển vọng tăng trưởng của Eximbank sẽ không bằng các ngân hàng ACB và TCB.

1. Kết quả kinh doanh trong quý 3/2009 và tình hình hoạt động 09 tháng đầu năm 2009

Eximbank có vốn điều lệ 8,800 tỷ đồng. Dựa vào mức giá tham chiếu vào ngày niêm yết đầu tiên 27/10/2009 là 28,000 đồng/cổ phiếu, Eximbank có mức vốn hóa thị trường là 24,640 tỷ đồng hay 1.37 tỷ USD. Chúng tôi ước tính EPS năm 2009 đạt 1,425 đồng và EPS năm 2010 là 1,428 đồng. Cổ phiếu hiện được giao dịch tại P/E dự phóng năm 2009 là 19.7 lần. HSC dự báo giá trị cổ sách là 15,127 đồng/cổ phiếu vào cuối năm 2009 và 16,387 đồng vào cuối năm 2010.

Với ước tính này, cổ phiếu đang giao dịch ở mức P/B là 1.85 vào cuối năm 2009 và 1.71 vào cuối năm 2010. Trong khi đó, cổ phiếu ngành ngân hàng đang giao dịch ở mức P/E dự phóng là 19.3 cho năm 2009 và P/B là 3.0 lần vào cuối năm 2009. Eximbank có kế hoạch trả cổ tức 12% theo mệnh giá trong năm 2009. Thực tế, Eximbank đã tạm ứng cổ tức năm 2009 với tỷ lệ là 8% trên mệnh giá.

Trong quý 3/2009, Ngân hàng đã công bố mức lợi nhuận trước thuế là 352 tỷ đồng, giảm 18.2% so với quý 2/2009. Trong quý 3/2009, lợi nhuận giảm mặc dù tín dụng tăng 17% so với quý 2 và huy động tiền gửi tăng 11.6% so với quý 2. Và thu nhập từ lãi vẫn là nguồn thu chính, đóng góp khoảng 72-74% của tổng thu nhập thuần theo ước tính của HSC. Có hai lý do giải thích cho kết quả lợi nhuận giảm trong quý 3. Đầu tiên, như chúng tôi thường đề cập, tỷ lệ NIM giảm trong quý 3 khi lãi suất tiền gửi tăng lên. Chúng tôi tin rằng, tỷ lệ NIM đã giảm khoảng 0.5% so với quý 2 mặc dù tín dụng đã tăng trưởng. Thứ 2, thu nhập ngoài lãi đã giảm dần trong quý 3. Trong khi thu nhập từ phí dịch vụ vẫn ổn định, thu nhập đầu tư giảm và những nguồn thu nhập khác giảm là nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận giảm. Hầu hết các khoản lợi nhuận từ đầu tư trong quý 2 đến từ tiền lãi do bán trái phiếu nhưng khoản thu nhập này không còn trong quý 3/2009. Chúng tôi nghĩ rằng, xu hướng này sẽ tiếp tục trong vài quý đến khi suất sinh lợi nắm giữ trái phiếu đáo hạn đang tăng lên.

Trong 09 tháng đầu năm 2009, Eximbank đã công bố lợi nhuận trước thuế chưa được kiểm toán là 1,163 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2008 và đạt với 77.5% kế hoạch lợi nhuận năm 2009. So với cùng kỳ năm ngoái, kết quả này có được là nhờ tổng tài sản tăng 22% lên 63,000 tỷ đồng, hoạt động cho vay tăng 62% lên 35,000 tỷ đồng, huy động tăng 43% lên 45,500 tỷ đồng. So với cuối năm 2008, tổng dư nợ tăng của Eximbank tăng 66%, tổng tiền gửi tăng 41% trong khi dư nợ toàn ngành tăng 29% và huy động tăng 22.45%. Vì vậy, Eximbank tăng trưởng nhanh hơn bình quân của toàn ngành.

Ngân hàng chưa công bố chi tiết kết quả kinh doanh 09 tháng đầu năm. Vì vậy, báo cáo phân tích này dựa vào những số liệu ước tính của chúng tôi. Chúng tôi ước tính rằng, thu nhập thuần từ tiền lãi đã đóng góp 74-75% tổng thu nhập thuần theo sau là thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối ở mức 5-6%, thu nhập từ hoạt động dịch vụ chiếm 6-7%, thu nhập từ hoạt động đầu tư chiếm 7% và thu nhập khác chiếm 6%. Thu nhập lãi thuần vẫn là nguồn thu nhập chính. Trong khi đó, chúng tôi tin rằng hoàn nhập dự phòng nợ NPL đã đóng góp vào thu nhập trong 09 tháng đầu năm 2009. Nhân đây, chúng tôi đề cập cơ cấu thu nhập trong năm 2008 như sau: thu nhập lãi ròng chiếm 70%, thu nhập từ hoạt động ngoại hối và vàng chiếm 34%. Thu nhập lãi thuần đóng góp tỷ trọng lớn trong cơ cấu thu nhập nhờ vào tỷ lệ NIM cao và tăng trưởng tín dụng mạnh. Và dĩ nhiên, chúng ta đã biết rằng trong khi tín dụng vẫn tiếp tục tăng trong quý 3/2009 thì tỷ lệ NIM đã giảm. Về quản lý chi phí, mặc dù nhân sự ở Hội sở tăng lên nhưng hệ số chi phí/tổng thu nhập vẫn duy trì ở mức 30% nhờ vào việc quản lý chi phí hiệu quả hơn.

Về thu nhập lãi ròng, Eximbank đã đạt được tăng trưởng tín dụng 66% trong 09 tháng đầu năm và tỷ lệ NIM trung bình ở mức 4.1-4.2%, tăng lên từ mức 3.2% trong năm 2007 và 3.7% trong năm 2008. So với các ngân hàng khác, Eximbank đạt tỷ lệ NIM cao hơn trong hai năm qua nhờ vào chi phí huy động vốn bình quân thấp do Eximbank tăng vốn thông qua phát hành cho đối tác nước ngoài giữa năm 2008. Tuy nhiên, lãi suất huy động đã chạm đáy ở mức 7.56% và đã tăng lên 9%. Do đó tỷ lệ NIM đã giảm 0.5% từ mức 4.3% trong 1-H FY2009 xuống 3.8% trong Q3 FY2009.

Theo HSC, thu nhập từ kinh doanh ngoại hối chiếm đến 9-10% tổng thu nhập 1-H FY2009 nhờ vào thu nhập từ hoạt động kinh doanh vàng. Chúng tôi tin rằng thu nhập từ hoạt động ngoại hối chiếm khoảng 6% trong quý 3 khi Eximbank tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ nhà nhập khẩu (thông qua việc bán USD). Thêm vào đó, SBV vẫn thực hiện chính sách kiểm soát thị trường ngoại hối chặt chẽ. Thị trường ngoại hối với tính thanh khoản thấp và biến động thấp sẽ dẫn đến thu nhập hoạt động ngoại hối của các ngân hàng thấp.

Với thu nhập từ đầu tư trái phiếu và cổ phiếu, chúng ta biết rằng Eximbank đã mua vào trái phiếu khi suất sinh lợi nắm giữ trái phiếu đáo hạn ở mức cao vào mùa hè năm ngoái. Trong 1-H FY2009, Eximbank đã dự đoán được lãi suất sẽ tăng lên và thực hiện (1) bán trái phiếu đã mua vào trong năm 2008; (2) mua vào trái phiếu có lãi suất thả nổi trong 1-H FY2009. Với chiến lược này, Eximbank đã thu được lãi và giảm được mức độ rủi ro lãi suất của danh mục trái phiếu đang nắm giữ. Trong 1-H FY2009, thu nhập từ hoạt động đầu tư chủ yếu đến từ đầu tư trái phiếu và chiếm khoảng 9% trong tổng thu

nhập trong kỳ (Eximbank không tham gia nhiều vào thị trường trái phiếu trong 1-H FY2009). Tuy nhiên trong quý 3, chúng tôi tin rằng, Eximbank tham gia thị trường cổ phiếu tích cực hơn vì vậy thu nhập từ hoạt động đầu tư trong quý 3 đến từ đầu tư cổ phiếu.

Về khía cạnh chi phí, việc quản lý chi phí đã cải thiện đáng kể khi: (1) Ngân hàng cơ cấu lại nguồn nhân lực và những nhân sự dư thừa được phân bổ cho các chi nhánh mới; (2) Hội sở sẽ quản lý chi phí tại cấp chi nhánh chặt chẽ hơn dựa vào kế hoạch kinh doanh được phê duyệt vào đầu năm; (3) Eximbank đã sử dụng chương trình cổ phiếu ESOP để thu hút nguồn nhân lực có năng lực. Với chính sách này, tỷ lệ chi phí/thu nhập thuần ở mức 30%, giảm từ mức 31.9% trong năm 2008. Và chi phí hoạt động/tài sản sinh lãi bình quân ước tính 1.7% trong 09 tháng năm 2009 so với mức 1.85% trong năm 2008.

Trong năm 2008, Ngân hàng khá minh bạch trong công bố thông tin nợ xấu và trích lập dự phòng rủi ro. Trong năm 2009, thị trường bất động sản và thị trường thép phục hồi đã giảm được gánh nặng tài chính cho người đi vay (dư nợ cho vay ngành bất động sản chiếm 13%) do đó Eximbank có điều kiện thực hiện hoàn nhập dự phòng tín dụng. Bên cạnh đó, người đi vay đã bổ sung tài sản đảm bảo khi các khoản vay có tỷ lệ giá trị vốn vay/giá trị tài sản đảm bảo tăng lên. Hoạt động quản lý rủi ro tín dụng cũng có cải thiện và Eximbank đã năng động trong việc kết hợp với khách hàng để xử lý NPL. Những biện pháp này đã giúp ngân hàng giảm được số dư NPL trong quý 3/2009 so với cuối năm 2008. Bên cạnh đó, tăng trưởng tín dụng cao cũng dẫn đến tỷ lệ NPL thấp hơn. Vào cuối tháng 9/2009, tỷ lệ NPL nhóm 3-5 là 2.3% và nhóm 2-5 là 2.8%, giảm từ mức 4.71% và 7.9% vào cuối năm 2008.

2. Các hoạt động kinh doanh

Eximbank đã có bề dày kinh nghiệm trong cung cấp các dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu. Sản phẩm của Eximbank trong tài trợ xuất nhập khẩu là khá cạnh tranh so với các ngân hàng bạn. Vào 1-H FY2009, doanh số thanh toán xuất nhập khẩu qua Eximbank chiếm 3.4%, tăng từ mức 2.7% so với năm 2008. Eximbank dẫn đầu thị trường trong cung cấp các dịch vụ tài chính cho các nhà xuất khẩu và nhập khẩu, đặc biệt là cam kết bán USD cho nhà nhập khẩu để giúp nhà nhập khẩu giảm được rủi ro tỷ giá. Với một quy mô khách hàng xuất khẩu lớn đã giúp Eximbank cân đối cung cầu giao dịch USD. Với quy mô khách hàng doanh nghiệp lớn giúp Eximbank có chi phí huy động bình quân thấp và áp dụng mức lãi suất cạnh tranh cho tín dụng xuất khẩu. Vì vậy, Eximbank hưởng lợi từ sự phục hồi của dòng ngoại thương.

Từ đầu năm đến nay, Eximbank đã tăng trưởng tín dụng 66% đạt 35,000 tỷ đồng, trong đó, dư nợ cho vay khách hàng doanh nghiệp chiếm 65%, cho vay mua/đầu tư nhà đất chiếm 13%, cho vay bằng vàng chiếm 10% và phần còn lại là tín dụng tiêu dùng khoảng 12%. Các khoản cho vay doanh nghiệp chủ yếu là cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), nhóm khách hàng mục tiêu của hầu hết các ngân hàng tư nhân, trong khi đó, cho vay doanh nghiệp nhà nước chỉ chiếm khoản 2.5%.

Theo loại tiền tệ, cho vay bằng VND chiếm 75% tổng dư nợ, cho vay bằng ngoại tệ chiếm 14% và cho vay bằng vàng chiếm 10-11%. Eximbank cung cấp dịch vụ tiền tệ phái sinh giúp khách hàng giảm rủi ro tỷ giá nên danh mục cho vay của Eximbank không chịu nhiều rủi ro tỷ giá. Theo kỳ hạn cho vay, cho vay ngắn hạn chiếm 75% hay 2.5% thấp hơn vào thời điểm cuối năm 2008. Cho vay theo chương trình hỗ trợ lãi suất chiếm 15% tổng dư nợ vào cuối tháng 9/2009. Do chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất chỉ áp dụng với các khoản vay bằng VND, khách hàng doanh nghiệp đã chuyển sang vay VND. Tổng dư nợ cho vay các doanh nghiệp xuất nhập khẩu chiếm tỷ lệ 22%. Tỷ trọng dư nợ cho vay lĩnh sắt thép, cho vay mua/đầu tư bất động sản cũng giảm.

Eximbank đã cơ cấu lại danh mục cho vay trong năm 2009. Hạn mức phân bổ cho vay đối với một lĩnh vực (dành cho khách hàng doanh nghiệp) là 1,150 tỷ đồng. Mặc dù quá trình xét duyệt cho vay đang cải thiện và bộ phận thẩm định tài sản chuyển về trực thuộc Hội Sở, quá trình phê duyệt cho vay chưa thật tập trung tại Hội Sở như ACB và TCB. Hạn mức tín dụng giao cho các chi nhánh có giá trị khác nhau nhưng cao hơn một số ngân hàng bạn. Tập quán này đã làm cho các chi nhánh có nhiều quyền lực trong việc phê duyệt hồ sơ vay và chúng ta đã biết rằng nợ NPL ở các chi nhánh xa Hội Sở thường cao hơn. Điều này làm chúng tôi lo lắng về rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động.

Trong hoạt động huy động, Ngân hàng đã có những nỗ lực đáng kể trong việc gia tăng nguồn vốn huy động từ khách hàng. Vào cuối tháng 09/2009, tiền gửi khách hàng tăng 41% so với cuối năm 2008 và đạt 35,500 tỷ đồng, cao hơn tỷ lệ tăng trưởng của ngành ngân hàng. Tiền gửi cá nhân chiếm 70% tổng vốn huy động và phần còn lại là tiền gửi của doanh nghiệp dưới dạng tài khoản thanh toán. Tiền gửi VND chiếm 64%, tiếp theo là tiền gửi bằng ngoại tệ chiếm 14% và tiền gửi bằng vàng chiếm 22%. Cơ cấu tiền gửi doanh nghiệp cao, Eximbank có chi phí huy động vốn thấp dẫn đến Eximbank đã đưa ra mức lãi suất cho vay cạnh tranh hơn. Chúng tôi khá tin tưởng vào việc quản lý thanh khoản của Eximbank.

Ngân hàng đang tập trung vào việc mở rộng mạng lưới để tăng cường huy động tiền gửi. Đây là nhân tố quan

trọng cho tăng trưởng ổn định trong tương lai. Ngân hàng hiện có 124 chi nhánh, 3,227 nhân viên và 260 máy ATM. Chủ thẻ Eximbank có thể rút tiền tại 3,200 máy ATM trên cả nước. Ngân hàng có kế hoạch mở thêm 30-50 chi nhánh/phòng giao dịch mới hàng năm. Vào cuối tháng 6/2009, Ngân hàng có 254,645 khách hàng doanh nghiệp và 283,508 khách hàng cá nhân.

Ngân hàng khá năng động trên thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối và thị trường trái phiếu. Tuy nhiên trong năm 2009, các thị trường này khá bình ổn. SBV đã kiểm soát thị trường ngoại hối chặt chẽ trong khi vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam thì giảm. Vì lãi suất tiền gửi và suất sinh lợi nắm giữ trái phiếu đáo hạn đã bắt đầu tăng trở lại, nên việc đầu tư vào chứng khoán nợ không còn nhiều hấp dẫn. Tuy nhiên, khoản lãi từ bán trái phiếu đã mang lại lợi nhuận trong quý 2 và lãi từ hoạt động kinh doanh/xuất khẩu vàng đã mang lại lợi nhuận cho ngân hàng trong quý 1. Những đây là khoản lợi nhuận trong ngắn hạn và hoạt động khối ngân quỹ có ít cơ hội tạo lợi nhuận trong năm 2009.

3. Dự báo quý 4 và kết quả kinh doanh năm 2009

SBV đã không còn đặt ra tăng giới hạn tăng trưởng tín dụng 30% trong năm 2009. Với mức tăng trưởng tín dụng là 29% so với cuối năm 2008, đây là một quyết định khá thực tế và phù hợp với quan điểm của Chính Phủ. Tuy nhiên, dưới điều kiện này, chúng ta tin rằng tăng trưởng tín dụng sẽ có phần hạn chế trong quý 4/2009 khi SBV đã bắt đầu thực hiện một số biện pháp hạn chế tín dụng ở cấp vi mô. HSC dự báo rằng tăng trưởng tín dụng có thể giảm trong quý 4 vì (1) chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất đối với vốn vay ngắn hạn sẽ chấm dứt vào tháng 12/2009; (2) Eximbank có thể giảm dư nợ cho vay tiêu dùng khi SBV đưa ra tín hiệu giảm tăng trưởng tín dụng tiêu dùng.

Mặc dù, lãi suất trên thị trường liên hàng khá ổn định khi SBV đảm bảo tính thanh khoản trên thị trường tiền tệ, lãi suất tiền gửi đã tăng lên trong những tháng vừa qua. Và HSC tin rằng, tỷ lệ NIM sẽ giảm trong quý 4. Chúng tôi ước tính rằng, tỷ lệ NIM sẽ giảm xuống 3.6% trong quý 4 và thu nhập lãi ròng sẽ giảm 10% trong quý 4 so với quý 3/2009. Trong quý 4, nguồn thu từ phí dịch vụ sẽ cao hơn 8% so với mức trung bình trong quý 1, quý 2 và quý 3 do hoạt động kinh tế sẽ sôi động hơn trong các tháng cuối năm. Thu nhập cổ tức đến từ hoạt động đầu tư dài hạn ở khoảng 9-10% giá trị đầu tư dài hạn.

Về phí chi phí, chi tỷ lệ chi phí hoạt động/tổng thu nhập sẽ tăng lên 33.3%, cao hơn trong 1-H FY2009 do chi phí tiền lương cao hơn (chi phí tiền lương có xu hướng tăng vào cuối năm). Tỷ lệ chi phí ngoài lãi vay/tổng tài sản sinh lãi sẽ ở mức 1.7-1.8%, ở mức ổn định so với tỷ lệ này ở 1-H FY2009. Và chúng tôi giả định rằng nợ

nhóm 3-5 sẽ ở mức 3.8% vào cuối năm 2009. Chúng tôi dự báo rằng ngân hàng sẽ xử lý nợ xấu nhóm 4-5 và nguồn thu từ xử lý tài sản chiếm 60% vốn vay xử lý. Với giả định này, lợi nhuận trước thuế trong Q4 sẽ khoảng 366 tỷ đồng hay tăng 4% so với Q3 2009.

Như vậy chúng tôi ước tính rằng Ngân hàng sẽ đạt mức lợi nhuận trước dự phòng rủi ro khoảng 1,758 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2008. Và Ngân hàng sẽ đạt mức lợi nhuận trước thuế là 1,529 tỷ đồng, tăng 58% so với năm 2008. Dựa vào những ước tính trên đây, EPS năm 2009 được ước tính ở mức 1,425 đồng. Nếu chúng ta loại bỏ việc tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu thường trong năm 2009, EPS năm 2009 sẽ tăng 43% so với năm 2008. Ngân hàng sẽ xử lý NPL nhóm 4-5 và sau khi xử lý, tỷ lệ NPL là 1.54% và tỷ lệ dự phòng rủi ro/tổng nợ nhóm 3-5 sau xử lý là 61%.

Với mức giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 28,000 đồng, cổ phiếu đang giao dịch ở mức P/E dự phóng sẽ vào khoảng 19.7 lần và P/B ở mức 1.85 lần cho năm 2009. Dựa vào hệ số P/B, cổ phiếu Eximbank rẻ hơn các cổ phiếu ngân hàng khác. Dĩ nhiên, có những rủi ro trong dự báo của chúng tôi. Tỷ lệ P/E và tỷ lệ P/B dự báo của ngành ngân hàng hiện tại là 19.3 lần và 3 lần. Tuy nhiên, dựa vào chỉ tiêu tổng giá trị vốn hóa thị trường, cổ phiếu của Eximbank không rẻ trong so sánh tương đối với ACB và TCB.

4. Dự báo năm 2010

Trong năm 2010, HSC dự báo tăng trưởng tín dụng toàn ngành sẽ ở mức khoảng 25% trong năm 2010. Chúng tôi nghĩ rằng Eximbank sẽ có mức tăng trưởng tín dụng vào khoảng 35%. Và chúng tôi cũng dự báo tăng trưởng tiền gửi và tăng trưởng tổng tài sản ở mức 28% và 25%, tỷ lệ NIM vào khoảng 3.8%, thấp hơn bình quân năm 2009 0.15-0.2%. Dựa trên những giả định này, chúng tôi tin rằng thu nhập lãi ròng sẽ tăng 18% trong năm 2010.

Chúng tôi nghĩ rằng thu nhập phí sẽ tăng từ 22-23% trong năm 2010 khi thu nhập ròng từ phí vẫn sẽ ở mức tương đối thấp và có thể được cải thiện nhờ đưa ra các sản phẩm mới. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối sẽ tăng 15% vì theo chúng tôi, kim ngạch buôn bán và đầu tư nước ngoài sẽ tăng trong năm 2010. Và thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ giảm 33% do đường cong lãi suất của thị trường trái phiếu có thể tăng nhẹ vào năm 2009. Thu nhập từ thị trường cổ phiếu sẽ không đóng góp nhiều vào tổng thu nhập do Eximbank không tham gia nhiều vào hoạt động đầu tư trên thị trường cổ phiếu. Chúng tôi cho rằng ngân hàng sẽ thu được 10% cổ tức từ danh mục của mình. Thu nhập khác của Eximbank là khó dự đoán. Tuy nhiên, ngân hàng sẽ hoàn nhập các khoản dự phòng rủi ro nợ xấu lập trong những năm trước. Chúng tôi dự tính các thu nhập khác

sẽ giảm 31% trong năm 2010 khi dự phòng nợ xấu giảm 29% trong năm 2009.

Chúng tôi dự báo chi phí hoạt động ngoài lãi sẽ tăng 22-23% trong năm 2010. Trên phương diện chi phí này, tỷ lệ chi phí ngoài lãi/tổng tài sản sinh lãi sẽ ở mức 1.68% so với mức 1.87% trong năm 2008 và 1.79% trong năm 2009 (theo dự báo). Chúng tôi cho rằng tỷ lệ nợ NPL nhóm 3-5 sẽ ở mức 2.8% (trước khi Eximbank dùng dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu). Tổng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng sẽ dự kiến chỉ là 325 tỷ đồng, tăng so với mức 228 tỷ đồng trong năm 2009 theo ước tính của chúng tôi. Cuối cùng, tỷ lệ chi phí/tổng thu nhập thuần sẽ ở mức 31%, cao hơn năm 2009 (30.8% theo ước tính của chúng tôi) và năm 2008 (31.9%).

Với những giả định này, HSC dự báo lợi nhuận trước dự phòng rủi ro sẽ ở mức 1,959 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2009 và ngân hàng sẽ đạt mức lợi nhuận trước thuế 1,633 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2009. Dựa vào đó, EPS được ước tính ở mức 1,364 đồng. Nếu loại bỏ yếu tố pha loãng, EPS trong năm 2010 sẽ tăng trưởng 7% trong năm 2010. Với kết quả này, cổ phiếu đang giao dịch ở mức P/E là 20x và P/B là 1.7x dựa trên giá tham chiếu vào ngày chào sàn. Dựa vào tỷ lệ P/B, cổ phiếu Eximbank rẻ hơn các cổ phiếu ngân hàng khác tuy nhiên triển vọng tăng trưởng của Eximbank không bằng TCB và ACB.

5. Triển vọng năm 2011 – 2012

Chúng tôi cho rằng tốc độ tăng trưởng tín dụng bình quân năm sẽ là 30% trong giai đoạn này. Mặc dù Eximbank hoạt động theo mô hình ngân hàng thương mại hai cấp, thì theo chúng tôi, ngân hàng cần thêm thời gian để trở thành một ngân hàng hiện đại đồng thời phát triển được các hoạt động kinh doanh ngân hàng bán lẻ. Để phát triển một cách bền vững, ngân hàng cần mở rộng mạng lưới phân phối để tăng số lượng tiền gửi của các khách hàng cá nhân. Tăng trưởng tín dụng ổn định sẽ phụ thuộc vào hoạt động huy động tiền gửi.

Ngân hàng cần đầu tư để có một hệ thống IT mạnh, cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở cấp chi nhánh và cần tiếp tục mở rộng mạng lưới phân phối để duy trì mức độ tăng trưởng hiện tại. Chúng tôi cho rằng Eximbank có nhiều kinh nghiệm và tập quán tốt trong lĩnh vực rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn có một chút lo ngại về hoạt động quản lý rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động khi Ngân hàng đã tăng dư nợ nhanh trong năm 2009 và trong khi quy trình xét duyệt cho vay vẫn chưa được quản lý tập trung. Chúng tôi cho rằng Ngân hàng cần cải thiện cơ chế xét duyệt cho vay và nâng cao các công cụ quản lý rủi ro tín dụng và rủi ro vận hành.

Chúng tôi kỳ vọng rằng cổ đông chiến lược của ngân hàng, SMBC sẽ giúp ngân hàng phát triển các sản phẩm ngân hàng bán lẻ nhằm thúc đẩy hoạt động huy động tiền gửi và tăng thu nhập từ phí. Tuy nhiên, dưới sự hỗ trợ của SMBC, sẽ mất vài năm để xây dựng cơ sở hạ tầng trước khi hoạt động bán lẻ phát triển dẫn đến cơ cấu thu nhập thay đổi. Chúng tôi đã theo dõi quá trình này ở TCB. Sau khi xây dựng xong cơ sở hạ tầng, Ngân hàng sẽ có thể tăng trưởng nhanh, hiệu quả và quản lý được rủi ro.

Với những giả định này, chúng tôi dự kiến Eximbank sẽ tăng trưởng nhanh hơn bình quân ngành nhưng không tăng trưởng sẽ không quá nhanh và cơ cấu thu nhập sẽ không thay đổi trong vòng ba năm nữa. HSC dự báo tốc độ tăng trưởng dư nợ sẽ là 35% CAGR trong giai đoạn 2011-2012 và tốc độ tăng trưởng huy động sẽ là 30% CAGR trong cùng giai đoạn. Theo những giả định này, chúng tôi dự báo lợi nhuận trước thuế sẽ tăng từ 10-11%/năm trong giai đoạn 2011-2012.

6. Cơ cấu sở hữu, Tình hình tài chính và quản trị ngân hàng

Cơ cấu sở hữu vào ngày 28/09/2009: Nhà đầu tư tổ chức nắm giữ 67.02% tổng vốn Eximbank và nhà đầu tư cá nhân nắm giữ phần còn lại. Có 03 định chế tài chính lớn nắm giữ trên 5% vốn của Eximbank bao gồm: SMBC nắm giữ 15.13%, Vietcombank nắm giữ 8.8% và Quỹ đầu tư VOF investment Limited nắm giữ 5.04%. Ngân hàng có 208 nhà đầu tư tổ chức và 9,213 nhà đầu tư cá nhân. Khi niêm yết, có 281.36 triệu cổ phiếu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong đó bao gồm 132.6 triệu cổ phiếu do SMBC sở hữu. SMBC sẽ được chuyển nhượng vào năm 2013. Và 06 tháng sau ngày niêm yết, số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng sẽ giảm xuống 207.96 triệu (so với số ban đầu là 281.36 triệu cổ phiếu).

Quản trị doanh nghiệp: SMBC đã bổ nhiệm hai đại diện vào Hội đồng Quản trị và Ban tổng giám đốc. Hay nói cách khác, SMBC đã tham gia trực tiếp vào hoạt động quản lý điều hành tại Eximbank. Bên cạnh đó, SMBC tập trung vào việc hỗ trợ kỹ thuật, quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp. Trong phát triển kinh doanh, SMBC sẽ giúp Eximbank phát triển hoạt động ngân hàng bán lẻ và phát triển khách hàng là các doanh nghiệp đầu tư Nhật Bản ở Việt Nam. SMBC đang bắt đầu nghiên cứu về hệ thống hoạt động tại Eximbank. Chúng tôi nghĩ phải mất thời gian trước khi chúng ta thấy được những thay đổi thật sự đến từ hỗ trợ của đối tác nước ngoài.

Tỷ lệ an toàn vốn và hệ số dư nợ cho vay trung dài hạn được tài trợ bằng nguồn huy động tiền

gửi ngắn hạn/tổng huy động ngắn hạn: Eximbank có một quy mô vốn lớn với chỉ số CAR ở mức 32.7% vào cuối tháng 6/2009. Chúng tôi ước tính hệ số CAR sẽ giảm xuống 30.3% vào cuối năm 2009 trong khi đó SBV yêu cầu hệ số CAR ở mức 8%. Dựa trên mức vốn lớn, Eximbank còn nhiều room để tăng trưởng tổng tài sản trong 5 năm đến ngay cả khi Eximbank không tăng thêm vốn. Quy mô vốn lớn giúp Eximbank giảm bớt biến động trong điều kiện ngành ngân hàng gặp những thay đổi bất lợi chưa từng có. Hiện tại, Eximbank có tỷ lệ dư nợ cho vay trung dài hạn được tài trợ bằng nguồn huy động ngắn hạn trên tổng huy động tiền gửi ngắn hạn ở mức thấp, khoảng 5-6%. Vì vậy, Eximbank còn nhiều room để mở rộng tín dụng ngắn hạn cũng như trung dài hạn trong thời gian đến.

Chất lượng tài sản: Vào cuối tháng 9/2009, tỷ lệ nợ xấu NPL nhóm 3-5 và nhóm 2-5 lần lượt là 2.3% và 2.8% trong khi đó tỷ lệ này ở mức 4.71% và 7.9% vào cuối năm 2008. Thực tế vào cuối tháng 9/2009, dư nợ NPL nhóm 3-5 và dư nợ nhóm 2-5 đã giảm 18% và 42% so với cuối năm 2008. Tỷ lệ NPL giảm mạnh nhờ vào tăng trưởng tín dụng cao và việc chủ động trong xử lý nợ NPL. Ngân hàng vẫn tiếp tục áp dụng hạn mức tín dụng cho các chi nhánh cao hơn các ngân hàng bạn khác. Mặc dù hoạt động đánh giá tài sản đảm bảo nợ vay đã được tập trung tại Hội Sở, Ngân hàng phải làm hơn nữa để tách rời chức năng bán hàng ra hoạt động phê duyệt hồ sơ tín dụng và chức năng quản lý rủi ro tín dụng để đạt được tỷ lệ NPL ở mức thấp.

Tình thanh khoản: Chúng tôi ước tính tỷ lệ LDR tăng từ mức 65% vào cuối năm 2008 lên mức 77% vào cuối tháng 9/2009. Theo ước tính của chúng tôi, tăng trưởng tín dụng của Eximbank có thể giảm trong quý 4/2009 vì vậy tỷ lệ LDR có thể ở mức 76% vào cuối năm 2009. Trong vài năm đến, tỷ lệ LDR sẽ ở mức 78-83%. Thêm

vào đó, tính thanh khoản của Ngân hàng được tăng cường dựa vào quy mô vốn tự có lớn và danh mục trái phiếu VGB. Chúng tôi tin tưởng vào khả năng quản lý thanh khoản của Eximbank.

Khả năng sinh lời: Chương trình kích cầu và chính sách tiền tệ mở rộng đã mang lại thuận lợi nên Eximbank đã đạt được kết quả lợi nhuận cao trong năm 2009, tăng 58% so với năm trước theo ước tính của chúng tôi. Ngân hàng đã cải thiện khả năng sinh lời nhờ vào tăng trưởng các nguồn thu nhập. Chúng ta biết rằng, tỷ lệ NIM, ROA và ROE đã cải thiện trong năm 2009. Chúng tôi có một chút lo lắng về cơ cấu các nguồn thu nhập khi thu nhập lãi chiếm tỷ lệ lớn trong tổng thu nhập nhưng thu nhập lãi lại nhạy cảm với tăng trưởng tín dụng và biến động lãi suất. Những nguồn thu nhập khác đến từ thị trường ngoại hối và đầu tư cổ phiếu khá nhạy cảm với các rủi ro thị trường. Và nguồn thu nhập phí rủi ro chỉ chiếm 6-7% tổng thu nhập. Chúng tôi nghĩ rằng ngân hàng sẽ mất một thời gian để tăng tỷ lệ thu nhập phi rủi ro và đa dạng hóa cơ cấu các nguồn thu nhập. Những hạn chế này sẽ làm tăng trưởng các nguồn thu nhập của ngân hàng chậm lại cho đến khi Eximbank phát triển được hoạt động bán lẻ như ACB và TCB.

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam _Mã cổ phiếu: EIB - OTC

Thứ hai, ngày 26 tháng 10 năm 2009

Bảng cân đối kế toán

<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	2005	2006	2007	2008	2009F	2010F	2011F	2012F
Tiền và các khoản tương đương tiền	645,391	2,898,007	1,850,102	4,455,588	1,875,822	2,438,569	3,170,139	4,121,181
Tiền gửi tại NHNN	105,646	374,378	825,202	3,438,736	2,501,096	3,251,425	4,226,852	5,494,908
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	2,468,026	2,535,139	4,746,967	9,491,316	10,915,014	11,735,745	12,373,419	13,116,854
Chứng khoán kinh doanh	-	0	7,580	0	-	0	0	0
Chứng khoán kinh doanh	-	0	8,257	0	-	0	0	0
Dự phòng giảm giá	-	0	(677)	0	-	0	0	0
Công cụ tài chính phái sinh	-	14,477	0	53,235	-	0	1	2
Cho vay khách hàng	6,427,689	10,164,975	18,378,610	20,855,907	31,850,126	42,439,534	56,548,557	76,371,784
Cho vay khách hàng	6,433,155	10,207,392	18,452,151	21,232,198	32,152,980	42,842,238	57,085,140	77,064,939
Dự phòng rủi ro tín dụng	(5,466)	(42,417)	(73,541)	(376,291)	(302,853)	(402,704)	(536,583)	(693,155)
Chứng khoán đầu tư	1,103,084	1,587,239	6,076,844	7,518,367	8,675,488	8,790,858	10,135,376	11,685,005
Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	1,307,039	5,682,169	1,267,081	1,469,065	1,526,287	1,772,397	2,058,856
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	1,103,084	280,200	400,100	6,367,582	7,322,719	7,322,719	8,421,127	9,684,296
Dự phòng giảm giá		0	(5,425)	(116,296)	(116,296)	(58,148)	(58,148)	(58,148)
Đầu tư dài hạn	39,866	92,493	690,538	765,151	918,181	1,101,817	1,322,181	1,586,617
Đầu tư Cty liên doanh liên kết	-	11,000	62,700	143,700	172,440	206,928	248,314	297,976
Các khoản đầu tư khác	39,866	81,493	627,838	621,451	745,741	894,889	1,073,867	1,288,641
Tài sản cố định	159,126	224,994	530,138	716,157	942,980	1,212,347	1,532,799	1,910,601
Tài sản cố định hữu hình	103,333	145,425	183,624	317,529	478,413	665,134	884,237	1,138,100
Tài sản cố định vô hình	55,793	79,569	346,514	398,628	464,567	547,214	648,561	772,501
Tài sản khác	420,405	435,777	604,443	953,364	1,239,373	1,611,185	2,094,541	2,722,903
Tổng tài sản	11,369,233	18,327,479	33,710,424	48,247,821	58,918,081	72,581,480	91,403,865	117,009,855
Các khoản nợ NHNN	329,248	433,582	28,059	26,954	0	0	1	2
Tiền gửi và vay của các TCTD khác	1,571,645	2,128,517	1,214,024	1,565,108	2,313,010	2,847,055	5,064,043	8,460,023
Tiền gửi khác hàng	8,352,111	13,141,175	22,906,123	30,877,730	41,684,936	54,190,416	70,447,541	91,581,804
Vốn ủy thác cho vay	56,072	40,170	25,255	13,170	200,736	200,736	200,736	200,736
Công cụ tài chính phái sinh	-	0	3,393	0	0	0	0	0
Chứng chỉ tiền gửi + trái phiếu	-	326,339	8,445	1,453,200	8,445	8,445	8,445	8,445
Các khoản nợ khác	224,618	311,029	3,230,182	1,467,582	1,761,098	2,113,318	2,535,982	3,043,178
Vốn và quỹ	835,539	1,946,667	6,294,943	12,844,077	12,949,856	13,221,510	13,147,116	13,715,667
Vốn điều lệ	700,000	1,212,371	2,800,000	7,219,999	8,800,000	8,800,000	8,800,000	8,800,000
Thặng dư vốn			2,974,462	5,291,552	3,711,551	3,711,551	3,711,551	3,711,551
Quỹ và vốn khác	121,186	532,805	122,443	228,129	288,376	466,025	196,156	443,002
Chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá				0	0	0	0	0
Lợi nhuận giữ lại	14,353	201,491	398,038	104,397	149,929	243,934	439,409	761,114
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	0	0	0				
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	11,369,233	18,327,479	33,710,424	48,247,821	58,918,080	72,581,480	91,403,865	117,009,854

Báo cáo KQHĐKD	2005	2006	2007	2008	2009F	2010F	2011F	2012F
Thu nhập lãi và các khoản thu tương tự	657,710	983,397	1,753,670	4,196,594	5,991,694	7,919,995	9,896,911	12,740,303
Chi phí lãi & các chi phí tương tự	(441,838)	(631,847)	(1,069,041)	(2,876,882)	(4,140,166)	(5,732,138)	(7,313,208)	(9,678,448)
Thu nhập lãi ròng	215,872	351,550	684,629	1,319,712	1,851,528	2,187,856	2,583,703	3,061,855
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	55,758	75,780	101,932	154,175	226,637	305,960	382,450	478,062
Chi phí hoạt động dịch vụ	(30,384)	(31,680)	(29,763)	(44,688)	(50,497)	(58,072)	(66,783)	(76,800)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	25,374	44,100	72,169	109,487	176,139	247,888	315,667	401,262
Lãi thuần từ hoạt động KD ngoại hối + Vàng	108,628	75,453	139,257	634,105	139,503	160,428	184,493	212,167
Lỗ/lãi từ mua bán chứng khoán KD	-	0	85	(4,163)	150,000	100,000	100,000	100,000
Lỗ/lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	41,222	57,190	(167,439)	0	0	0	0
Thu nhập khác	5,924	76,661	41,536	31,283	115,747	80,080	96,096	110,510
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	1,922	1,014	21,736	(30,938)	108,800	138,700	134,083	161,830
Tổng thu nhập thuần từ HĐKD	357,720	590,000	1,016,602	1,892,046	2,541,717	2,914,953	3,414,042	4,047,624
Chi phí hoạt động	(117,085)	(184,677)	(353,629)	(602,671)	(783,472)	(955,836)	(1,175,679)	(1,469,598)
LN trước dự phòng rủi ro	240,635	405,323	662,973	1,289,375	1,758,245	1,959,117	2,238,363	2,578,026
Dự phòng rủi ro nợ xấu	(212,078)	(46,736)	(34,126)	(320,144)	(228,800)	(325,565)	(434,631)	(562,588)
Lợi nhuận trước thuế	28,557	358,587	628,847	969,231	1,529,446	1,633,552	1,803,732	2,015,438
Thuế doanh nghiệp	(7,456)	(100,118)	(165,430)	(258,218)	(382,361)	(408,388)	(450,933)	(503,859)
Lợi nhuận sau thuế	21,101	258,469	463,417	711,013	1,147,084	1,225,164	1,352,799	1,511,578
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	0	0	0				
LN phân phối cho cổ đông	21,101	258,469	463,417	711,013	1,147,084	1,225,164	1,352,799	1,511,578

Các chỉ tiêu chính	2005	2006	2007	2008	2009F	2010F	2011F	2012F
Quy mô								
Số điểm giao dịch	23	32	65	111	139	174	209	250
Số lượng nhân viên	1,025	1,392	2,360	3,104	3,304	3,965	4,758	5,709
Hệ số an toàn vốn								
Hệ số an toàn vốn CAR	na	na	27.0%	45.9%	30.4%	23.9%	19.3%	14.1%
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	7%	11%	19%	27%	22%	18%	14%	12%
Tổng tài sản/vốn chủ sở hữu	13.61	9.41	5.36	3.76	4.55	5.49	6.95	8.53
Chất lượng tài sản								
Tài sản rủi ro/tổng tài sản	78.6%	72.7%	79.3%	70.9%	79.4%	80.6%	80.4%	80.7%
Tỷ lệ nợ xấu nhóm 2-5	2.0%	1.6%	1.5%	7.9%	3.1%	3.0%	3.0%	2.6%
Tỷ lệ nợ xấu nhóm 3-5	1.1%	0.8%	0.9%	4.7%	1.5%	1.5%	1.5%	1.1%
Tỷ lệ tổng dự phòng rủi ro/Nợ xấu nhóm 3-5	na	49.8%	45.9%	37.7%	61.4%	61.9%	61.9%	80.7%
Tỷ lệ tổng dự phòng rủi ro/Nợ xấu nhóm 2-5	na	26.9%	26.5%	22.5%	30.7%	30.9%	30.9%	34.1%
Hệ số thanh khoản								
Tài sản thanh khoản/Tổng tài sản	52%	56%	59%	44%	57%	48%	42%	38%
Dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	77%	75%	80%	65%	76%	78%	80%	83%
Vay liên NH/tổng nguồn huy động	16%	14%	5%	5%	5%	5%	7%	8%
Khả năng tạo doanh thu của tài sản								
Tổng doanh thu/Tổng tài sản bình quân	10%	12%	12%	16%	17%	18%	17%	17%
Lợi nhuận ròng/tổng tài sản	0%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	1%
Tổng tài sản sinh lãi bình quân/tổng tài sản	88%	82%	83%	80%	82%	87%	86%	86%
Khả năng sinh lời								
Lợi nhuận ròng/tổng tài sản b/q	0.19%	1.74%	1.78%	1.74%	2.14%	1.86%	1.65%	1.45%
Lợi nhuận ròng/tổng vốn CSH b/q	2.53%	18.58%	11.25%	7.43%	8.89%	9.36%	10.26%	11.25%
Chi phí trả lãi/nợ trả lãi bình quân (1)	4.43%	4.93%	5.37%	9.91%	10.60%	11.30%	11.00%	11.00%
Thu nhập lãi/tài sản sinh lãi bình quân (2)	6.58%	8.12%	8.12%	12.88%	13.70%	13.90%	14.00%	14.20%
Chênh lệch ròng (2-1)	2.15%	3.18%	2.74%	2.97%	3.10%	2.60%	3.00%	3.20%
Chi phí hoạt động/tài sản sinh lãi bình quân	1.17%	1.52%	1.64%	1.85%	1.79%	1.68%	1.66%	1.64%
Thu nhập lãi ròng/tài sản sinh lãi b/q	2.16%	2.90%	3.17%	3.70%	3.99%	3.84%	3.65%	3.41%
Thu nhập lãi ròng/tổng thu nhập	60.35%	59.58%	67.34%	69.75%	72.85%	75.06%	75.68%	75.65%
Hệ số chi phí hoạt động/tổng thu nhập	32.73%	31.30%	34.79%	31.85%	30.82%	32.79%	34.44%	36.31%

Nguồn: Báo cáo của Eximbank; (F) HSC dự báo

Lịch sử hình thành và phát triển

24/05/1989: Là NHTMCP đầu tiên được thành lập với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam

1993: Tham gia hệ thống thanh toán điện tử của Ngân hàng Nhà nước (NHNN).

1995: Tham gia hệ thống SWIFT

1997: Được chấp nhận là thành viên chính thức của Tổ chức thẻ MasterCard

1998: Được chấp nhận là thành viên chính thức của Tổ chức thẻ Visa.

2003: Triển khai hệ thống thanh toán nội hàng trực tuyến toàn hệ thống.

2005: Kết nối thành công hai hệ thống thanh toán thẻ nội địa Vietcombank-Eximbank.

là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành thẻ ghi nợ quốc tế Visa Debit.

2007: Chính thức trở thành thành viên của tổ chức IFC (Công ty tài chính Quốc tế toàn cầu)

Chính thức ký kết hợp tác chiến lược với 17 đối tác trong nước và các đối tác đầu tư nước ngoài, trong đó có tập đoàn ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation của Nhật.

2008: Chính thức trao chứng nhận 15% cổ phần trị giá 225 triệu USD cho tập đoàn kinh tế SMBC.

Phối hợp với Công ty Vàng Bạc Đá Quý Sài Gòn (SJC) chính thức khai trương sàn giao dịch vàng SJC – Eximbank, đồng thời tăng vốn điều lệ lên 7,220 tỷ đồng,

2009: Tăng vốn điều lệ lên 8,800 tỷ đồng

Lĩnh vực kinh doanh

Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng bao gồm các nghiệp vụ huy động vốn ngắn, trung và dài hạn dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi thanh toán, nhận vốn ủy thác từ các định chế trong và ngoài nước; thực hiện hoạt động cho vay ngắn, trung, dài hạn, chiết khấu giấy tờ có giá, đầu tư vào giấy tờ có giá, các dự án liên doanh và các công ty khác; cung cấp các dịch vụ thanh toán; thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối, vàng; cung cấp dịch vụ quản lý tài sản và các nghiệp vụ ngân hàng khác.

Thông tin liên hệ

Trụ sở	07 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, TP HCM
Telephone	(84) (8) 38210055
Fax	(84) (8) 38296063
Website	www.eximbank.com.vn

Logo Công ty



Tên	Chức danh
Hội đồng quản trị	
Nguyễn Thành Long	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Lê Thị Hoa	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Văn Trữ	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phạm Hữu Phú	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Quang Thông	Ủy viên
Hà Thanh Hùng	Ủy viên
Hoàng Tuấn Khải	Ủy viên
Võ Tấn Phong	Ủy viên
Nguyễn Bốn	Ủy viên
Naoki Nishizawa	Ủy viên
Ban kiểm soát	
Trịnh Công Lý	Trưởng ban
Đặng Hữu Tiến	Ủy viên
Nguyễn Bình Quý	Ủy viên
Ban điều hành	
Trương Văn Phước	Tổng giám đốc
Trần Tấn Lộc	Phó Tổng giám đốc
Tô Nghị	Phó Tổng giám đốc
Nguyễn Quốc Hương	Phó Tổng giám đốc
Đào Hồng Châu	Phó Tổng giám đốc
Trần Minh Khởi	Phó Tổng giám đốc
Nguyễn Thị Phụng	Phó Tổng giám đốc
Nguyễn Gia Định	Phó Tổng giám đốc
Kenji Kuroki	Phó Tổng giám đốc
Cơ cấu cổ đông	
Cổ đông là tổ chức	
Trong nước	42%
Nước ngoài	25%
Cổ đông là cá nhân	
Trong nước	33%
Nước ngoài	-

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi HSC hoặc một trong các chi nhánh để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài. Các thông tin trong báo cáo được HSC xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy. Tuy nhiên, ngoài những thông tin về chính Công ty, HSC không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong báo cáo này. Các ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Giá cả và các công cụ tài chính có thể thay đổi mà không báo trước. HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này.

Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Cán bộ của HSC có thể có các lợi ích tài chính đối với các chứng khoán và các công cụ tài chính có liên quan được đề cập trong báo cáo. Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu cung cấp những thông tin khái quát. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá chứng khoán luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Các công cụ tài chính được đề cập trong báo cáo có thể sẽ không phù hợp với tất cả nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình bằng cách tham khảo các nhà tư vấn tài chính độc lập nếu cần thiết và dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này.



TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 1, 2 & 3, Tòa nhà Capital Place
6 Thái Văn Lung, Quận 1, TPCHM
T : (+84 8) 3 823 3299
F : (+84 8) 3 823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

6 Lê Thánh Tông
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
T : (+84 4) 3 933 4693
F : (+84 4) 3 933 4822

E: infor@hsc.com.vn **W**: www.hsc.com.vn